

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2022.

V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hiền; bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến
Xương, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST-
HNGĐ ngày 13/4/2022 về “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm
2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1987

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã C, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1984

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã C, huyện K, tỉnh Thái
Bình.

(Chị N vắng mặt, anh L có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, chị và anh L sống cùng gia đình anh L, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L thường xuyên uống rượu, không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù gia đình đã nhiều lần nói chuyện, khuyên bảo nhưng anh L không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 8/2018 chị cùng 3 con về nhà mẹ đẻ tại xã B, huyện K sinh sống đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Chị và anh L có 3 con chung là: Nguyễn Huy P, sinh ngày 15/10/2005, con đang học lớp 11; Nguyễn Quang V, sinh ngày 30/9/2010, con đang học lớp 6 trường THCS xã C; Nguyễn Tường V, sinh ngày 23/12/2015, con đang học lớp 1 trường Tiểu học xã C. Hiện tại, cả 3 con đang ở cùng chị và gia đình. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con vì các con đang học tập và có cuộc sống ổn định. Chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/con (3 con là 3.000.000đ/tháng).

Hiện nay chị là lao động tự do (bán hàng ăn) thu nhập khoảng 20.000.000đ/tháng, chị đang ở nhà của bố mẹ đẻ, bố mẹ đẻ chị hỗ trợ chị mọi mặt trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con, chị có đủ điều kiện để nuôi con. Còn anh L làm nghề thợ xây, thu nhập của anh L thế nào chị không biết, anh L thường xuyên đi theo công trình, ít có thời gian chăm sóc các con, công việc và thu nhập không ổn định.

Chị và anh L tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Nh tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2017

thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh thường xuyên uống rượu, mỗi lần cãi nhau anh có tát chị N. Mặc dù gia đình đã nhiều lần nói chuyện, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không được cải thiện mà ngày càng thêm trầm trọng. Đến tháng 8/2018 chị N cùng 3 con về nhà mẹ đẻ tại xã B, huyện K sinh sống đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị N xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn.

Anh và chị N có 3 con chung là: Nguyễn Huy P, sinh ngày 15/10/2005, con đang học lớp 11; Nguyễn Quang V, sinh ngày 30/9/2010, con đang học lớp 6 trường THCS xã C; Nguyễn Tường V, sinh ngày 23/12/2015, con đang học lớp 1 trường Tiểu học xã C. Hiện tại, cả 3 con đang ở cùng chị N và gia đình. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Nguyễn Quang V và Nguyễn Tường V; chị Nhung trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Huy P; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh là lao động tự do (thợ xây) thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng, anh có chỗ ở, bố mẹ anh sẽ hỗ trợ anh trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con.

Anh và chị N tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bà Phạm Thị H (mẹ đẻ chị N) trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hay cãi vã, xô xát, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L thường xuyên uống rượu, chửi mắng vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Đến tháng 8/2018, chị N cùng 3 con về nhà bà sinh sống, anh L ít quan tâm đến con. Bà thấy chị N và anh L không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị N và anh L có 3 con chung như chị N đã trình bày, cả 3 cháu đang sinh sống tại gia đình bà, đang học tập tại xã C. Từ khi chị N và các con về nhà bà sinh sống thì bà và gia đình đã hỗ trợ chị N về chỗ ở và các điều kiện khác trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu. Bà đề nghị Tòa án giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con vì các cháu đang học tập và sinh sống ổn định, sức khỏe bình thường, bà và gia đình sẽ hỗ trợ chị N trong việc nuôi dưỡng và chăm

sóc các cháu. Chị N làm hàng ăn, thu nhập khoảng 19.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng, chị N có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con.

Tài sản của chị N và anh L bà không rõ, vợ chồng không có nợ cá nhân, tổ chức, đoàn thể nào.

*) Ông Nguyễn Văn N (bố đẻ anh Nguyễn Văn L) trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, anh L và chị N đã xảy ra mâu thuẫn, do mâu thuẫn trầm trọng nên khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2018 chị N đã cùng 3 con về nhà bố mẹ đẻ tại xã B sinh sống. Ông thấy chị N và anh L không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị N và anh L có 3 con chung như anh chị đã trình bày, ông đề nghị Tòa án giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huy P, anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang V và Nguyễn Tường V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L là thợ xây, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, gia đình ông sẽ hỗ trợ anh L trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Hiện nay cả 3 cháu đều ở cùng chị N và gia đình, tiền học hàng tháng của các cháu do anh L nộp, cháu V hàng ngày do ông ngoại của cháu đưa đón.

Tài sản của anh L và chị N do hai người tự giải quyết với nhau.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh L cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa anh L và chị N có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức thôn và địa phương phải can thiệp. Việc chị N xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh L và chị N có 03 con chung như anh chị đã trình bày là đúng, hiện cả 3 cháu đang ở cùng chị N. Việc giao con cho ai nuôi đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người, nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung của anh L và chị N thì địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh L, đề nghị được trực tiếp

nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Quang V và Nguyễn Tường V, anh L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Huy Ph, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

*) Tại phiên tòa, anh L đồng ý ly hôn; đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Quang V và Nguyễn Tường V, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh là thợ xây thường đi theo công trình xây dựng, thu nhập khoảng 14.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L.

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Quang V và Nguyễn Tường V; giao cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Huy P; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn L có mặt. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L thường xuyên uống rượu, có đánh chị N và không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù gia đình đã nhiều lần nói chuyện, khuyên bảo nhưng anh L không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 8/2018 chị N cùng 3 con về nhà mẹ đẻ tại xã B, huyện K sinh sống đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L, anh L đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh L ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh L có 3 con chung là Nguyễn Huy P, sinh ngày 15/10/2005, con đang học lớp 11; Nguyễn Quang V, sinh ngày 30/9/2010, con đang học lớp 6 trường THCS xã C; Nguyễn Tường V, sinh ngày 23/12/2015, con đang học lớp 1 trường Tiểu học xã C. Hiện tại, cả 3 con đang ở cùng chị và gia đình. Ly hôn, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con vì các con đang học tập và có cuộc sống ổn định. Chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/con (3 con là 3.000.000đ/tháng). Anh L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Quang V và Nguyễn Tường V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N và anh L đều chứng minh điều kiện để nuôi con. Xét yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử thấy: Chị N và anh L đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, tuy nhiên, từ khi chị N và các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đã được sự hỗ trợ của gia đình nên đã nuôi dưỡng và chăm sóc các con chu đáo, các con có sức khỏe bình thường, đang học tập và có cuộc sống ổn định. Con P đã gần 17 tuổi, đã có thể tự giải quyết được một số việc của bản thân, hỗ trợ gia đình trong cuộc sống hàng ngày, con V và con V còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của của chị N để các con phát triển bình thường về tâm sinh lý. Do đó, cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Quang V và Nguyễn Tường V; giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Huy P; không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; 203; 235; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Quang V, sinh ngày 30/9/2010 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 23/12/2015; giao cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Huy P, sinh ngày 15/10/2005; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và anh L có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001609 ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí, trả lại chị N 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị đơn là anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/6/2022. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C, huyện K (nơi ĐKKH);
- UBND xã B, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái